

Bản án số: 19/2020/HS - ST

Ngày: 22- 6- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Thắng

2. Ông Châu Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST - HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

- *Nguyễn Văn D*, Sinh năm: 1997 tại huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị M; Bị cáo có vợ là Lê Thị Hồng T và có 01 con (sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:* Công ty TNHH công nghiệp nặng và xây dựng D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KWAK SANG Y.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Quang D. Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020.

Địa chỉ: Số 19, Phan Đình P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn B

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Phan Minh T (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: Số 223, ấp Tầm Vu 1, xã T, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang.

3. Lý Huỳnh Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 151/52A Hoàng Văn T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Nguyễn Văn A

Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian làm việc tại Công ty L, D đã nhiều lần đi với người quản lý thiết bị của công ty là Lâm Quốc N đến kho vật tư thiết bị của Công ty D để nhận vật tư nên biết vị trí kiện hàng có chứa vật tư là kẹp đồng chữ C và của kho số 1 bị hư khóa nên D nảy sinh ý định trộm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 18/11/2019 D đến chốt bảo vệ khu vực công ty D xin cho vào kho hàng để tìm kiện hàng của công ty L bị thất lạc nên bảo vệ là ông Nguyễn Văn A đồng ý. D đi đến trước cửa kho số 1 đứng quan sát rồi dùng tay đẩy cửa kho đi vào, D đi đến chỗ kiện hàng SH1-VINA-224-006 lấy 02 bít nylon đựng kẹp đồng chữ C (một bít 10 kẹp đồng chữ C kích cỡ 240-240 và một bít 18 kẹp đồng chữ C kích cỡ 150 – 150) rồi đi ra theo hướng cửa kho số 1. Lúc này D nhìn thấy một mảnh vải thun màu cà phê sữa đang để trên xe nâng nên D lấy mảnh vải gói hai túi nylon đựng kẹp đồng chữ C vừa lấy trộm rồi đi ra khỏi kho. Khi ra khỏi cửa kho số 1, D đi về hướng của kho số 2, rồi vòng ra phía sau kho mở gói vải lấy 02 bít nylon đựng kẹp đồng chữ C rồi ném ra bên ngoài hàng rào, rồi đi ra cổng bảo vệ công ty D. Sau đó D đến bãi xe trước công trình xây dựng nhà máy nhiệt điện S, điều khiển xe mô tô 67S1-2890 nhấc 02 túi nylon đựng kẹp đồng chữ C, rồi điều khiển xe ra Quốc lộ Nam Sông Hậu đi về hướng ngã tư Mái Dầm để tìm cơ sở thu mua phế liệu bán số kẹp đồng vừa trộm được. Trên đường đi D gặp người mua phế liệu nên bán 28 kẹp đồng chữ C giá 750.000 đồng. Sau khi bị phát hiện D đã tìm người mua phế liệu và mua lại số kẹp đồng chữ C đã bán để trả lại cho công ty D.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ Kết luận định giá số 25/KLĐT ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Châu Thành kết luận: 10 cái kẹp đồng chữ C, ký hiệu JOCC 240SQ bằng kim loại màu nâu đỏ, kích thước mỗi cái dài 6,5cm, rộng 13cm, dày 0,6cm có giá là 1.219.500 đồng; 18 cái kẹp đồng chữ C, ký hiệu JOCC 150SQ bằng kim loại màu nâu đỏ, kích thước

mỗi cái dài 5cm, rộng 9,5cm, dày 0,4cm có giá là 1.297.500 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.517.300 đồng.

Về phần dân sự: Bị hại yêu cầu nhận lại số tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 22/CT – VKS - HCT ngày 10/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về phía bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã truy tố đồng thời thống nhất lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với bị hại, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều có yêu cầu là nhận lại tài sản đồng thời yêu cầu miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Minh T và anh Lý Huỳnh Đ vắng mặt, xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại gì.

[3] Xét về hành vi phạm tội: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có căn cứ xác định vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/11/2019, Nguyễn Văn D đã xin bảo vệ của công ty D để vào kho hàng của công ty với lý do là tìm đồ bị thất lạc. Sau đó D

đi đến chỗ kiện hàng đã để ý trước đó lấy trộm 02 bít nilon đựng kẹp đồng chữ C gồm 28 cái rồi dùng vải gói 02 bít nilon đựng kẹp đồng chữ C ra khỏi kho. D vòng ra phía sau kho lén lút ném 02 bít nilon đựng kẹp đồng ra bên ngoài hàng rào. Sau đó bị cáo nhặt kẹp đồng đã trộm đem đi bán cho người thu mua phế liệu. Hành vi lợi dụng chỗ quen biết, bị cáo đã lừa bảo vệ của công ty D để vào bên trong, lợi dụng lúc nghỉ trưa, không người trông coi, canh giữ tài sản, D đã đột nhập vào kho của Công ty D để lấy trộm 38 cái kẹp đồng chữ C với giá trị tài sản 2.517.300 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng với thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội với mong muốn chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Vì vậy, cần thiết phải xét xử bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp lần đầu và ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Tại Biên bản xác minh ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thì bị cáo hiện là lao động chính và là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Ngoài ra người bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị đại diện Viện kiểm sát để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo nhằm giúp bị cáo có điều kiện ở ngoài xã hội để sửa đổi bản thân, lao động chân chính tạo ra thu nhập để lo cho gia đình bị cáo. Đồng thời thể hiện được sự khoan hồng, tính nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn đủ sức răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại xin nhận lại tài sản bị mất, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

[7] Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho công ty D: 10 kẹp đồng chữ C bằng kim loại màu nâu ánh đỏ, ký hiệu JOCC 240sq, kích thước mỗi cái dài 6,5cm, rộng 13cm, dày 0,6cm; 18 kẹp đồng chữ C bằng kim loại màu nâu ánh đỏ, ký hiệu JOCC 150sq, kích thước mỗi cái dài 5cm, rộng 9,5cm, dày 0,4cm.

- Trả lại cho ông Lê Văn B: 01 xe mô tô BKS 67S1-2890, màu đỏ đen, nhãn hiệu NAGOASI, số khung 006839, số máy 006839, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67S1-2890 đứng tên Trần Thị L.

[8] Đại diện công ty D khai báo bị mất trộm 127 cái kẹp đồng chữ C. Tuy nhiên, qua điều tra chỉ chứng minh được Dương lấy trộm 28 cái kẹp C, còn lại 99 cái kẹp C đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự”

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu nhận lại tài sản, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho công ty D: 10 kẹp đồng chữ C bằng kim loại màu nâu ánh đỏ, ký hiệu JOCC 240sq, kích thước mỗi cái dài 6,5cm, rộng 13cm, dày 0,6cm;

18 kẹp đồng chữ C bằng kim loại màu nâu ánh đỏ, ký hiệu JOCC 150sq, kích thước mỗi cái dài 5cm, rộng 9,5cm, dày 0,4cm.

- Trả lại cho ông Lê Văn B: 01 xe mô tô BKS 67S1-2890, màu đỏ đen, nhãn hiệu NAGOASI, số khung 006839, số máy 006839, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67S1-2890 đứng tên Trần Thị L.

Theo phiếu nhập kho số 26 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Dương Hoài Ân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hoài Ân